

TRƯỜNG CĐSP THÁI BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

Số: /TB-HĐTS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 26 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO
TỔ CHỨC NHẬP HỌC CHO HỌC SINH HỆ CHÍNH QUY
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2025 (ĐỢT I)

Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình thông báo cho thí sinh trúng tuyển các ngành đào tạo trình độ trung cấp năm 2025 (Đợt I) về thời gian nhập học và làm thủ tục nhập học như sau:

I. Thời gian và địa điểm nhập học

1. Thời gian: Từ 7h30 đến 11h00 ngày 29/6/2025
2. Địa điểm: Nhà A5 - Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình; Phố Chu Văn An, Phường Quang Trung, thành phố Thái Bình.

II. Hồ sơ nhập học

- 1 – Bản chính Học bạ Trung học cơ sở.
- 2 – Bản chính Giấy chứng nhận tốt nghiệp Trung học cơ sở (nếu tốt nghiệp năm 2025) hoặc bản chính Bằng tốt nghiệp THCS (nếu tốt nghiệp trước năm 2025).
- 3 - Bản sao có công chứng giấy xác nhận đối tượng ưu tiên (nếu có).
- 4 - Lý lịch Đoàn viên, Giấy chuyển sinh hoạt Đoàn (nếu có).

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Số: 01 /TB-HĐTS

Thái Bình, ngày 26 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO

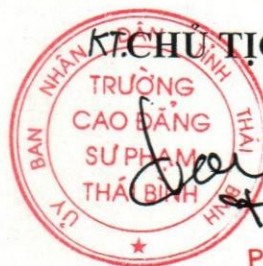
**ĐIỂM TRÚNG TUYỂN, HỆ CHÍNH QUY
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2025 (ĐỢT 1)**

Hội đồng Tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng nhóm ngành đào tạo nghề năm 2025 Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình thông báo điểm trúng tuyển của các ngành/ngành, hệ chính quy trình độ trung cấp, đối tượng tuyển sinh là học sinh đã tốt nghiệp Trung học cơ sở, năm 2025 (đợt 1) như sau:

Stt	Ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Điểm trúng tuyển
1.	Tin học ứng dụng	5480205	19,75
2.	Thiết kế và quản lý website	5480215	17,65
3.	Tiếng Anh	5220206	17,35
4.	Công tác xã hội	5760101	17,25
5.	Organ	5210224	16,85
6.	Thư viện – Thiết bị trường học	5320207	16,85

- Điểm trúng tuyển = Tổng điểm trung bình môn cả năm của 03 môn: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh lớp 9 + điểm ưu tiên khu vực (nếu có) + điểm ưu tiên đối tượng (nếu có).

- Điểm xét tuyển của thí sinh được xếp từ cao đến thấp. Điểm trúng tuyển của một ngành được xác định là điểm xét tuyển của người cuối cùng trúng tuyển theo chỉ tiêu. Trường hợp có nhiều thí sinh có cùng điểm trúng tuyển thì xét theo tiêu chí phụ: (1. Điểm môn 1 cao hơn; 2. Điểm môn 2 cao hơn; 3. Điểm môn 3 cao hơn) ./



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Hữu Tâm

Thái Bình, ngày 26 tháng 6 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH TUYỂN THĂNG
HỆ CHÍNH QUY, TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2025 (ĐỢT 1)
NGÀNH: CÔNG TÁC XÃ HỘI

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Kết quả rèn luyện	Kết quả học tập	Đối tượng	Ghi chú
1	Đỗ Gia Bảo	14/12/2010	Nam	Tốt	Đạt	Mồ côi cả cha lẫn mẹ	

Danh sách này có 01 thí sinh./



K. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Hữu Tâm

Thái Bình, ngày 26 tháng 6 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
HỆ CHÍNH QUY, TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2025 (ĐỢT 1)
NGÀNH: TIẾNG ANH

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm ưu tiên	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm xét tuyển	Ghi chú
1	Đoàn Thị Trà	My	12/03/2010	Nữ	0,50	8,4	7,5	7,0	23,40	
2	Vũ Minh	Hiếu	06/07/2010	Nam	0,25	7,8	6,6	8,4	23,05	
3	Phạm Hoàng Hải	Anh	16/11/2004	Nam	0,75	6,3	7,6	7,9	22,55	
4	Đào Quốc	Bảo	20/01/2010	Nam	0,50	7,5	7,1	7,4	22,50	
5	Lý Thùy	Dương	17/07/2010	Nữ	0,50	7,1	7,6	7,3	22,50	
6	Phạm Thị Trà	Giang	13/12/2010	Nữ	0,25	8,3	6,8	6,8	22,15	
7	Đào Mạnh	Quân	30/10/2010	Nam	0,50	6,7	8,2	6,6	22,00	
8	Phạm Thu	Hương	09/01/2010	Nữ	0,25	8,2	6,4	6,8	21,65	
9	Phạm Minh	Diệp	18/11/2010	Nữ	0,25	7,7	6,1	7,5	21,55	
10	Đặng Minh	Anh	28/04/2010	Nữ	0,25	7,1	6,9	7,3	21,55	
11	Bùi Thùy	Chi	08/10/2010	Nữ	0,25	7,2	7,3	6,6	21,35	
12	Phạm Thị Bình	An	04/04/2010	Nữ	0,50	7,8	6,3	6,6	21,20	
13	Phạm Phương	Linh	29/05/2010	Nữ	0,25	7,2	6,6	7,1	21,15	
14	Trần Thu	Ngân	20/10/2010	Nữ	0,25	6,8	7,1	6,9	21,05	
15	Lê Thị Trà	Mi	15/06/2010	Nữ	0,50	7,3	6,3	6,9	21,00	
16	Bùi Đức	Mạnh	30/10/2010	Nam	0,25	7,1	7,0	6,3	20,65	
17	Trịnh Hồng	Ngọc	05/04/2010	Nữ	0,25	7,0	6,2	7,1	20,55	
18	Mai Thị Yến	Nhi	15/01/2010	Nữ	0,25	7,3	6,4	6,4	20,35	
19	Hoàng Diệu	Phương	10/10/2010	Nữ	0,25	7,9	6,5	5,5	20,15	
20	Nguyễn Duy	Thắng	02/09/2010	Nam	0,25	6,1	6,7	7,1	20,15	
21	Bùi Thị Ngọc	Hiền	18/11/2010	Nữ	0,50	7,0	6,0	6,6	20,10	
22	Phạm Hải	Linh	12/11/2010	Nữ	0,25	7,2	6,2	6,4	20,05	
23	Ngô Nguyễn Tuấn	Minh	22/07/2010	Nam	0,25	6,1	7,2	6,5	20,05	
24	Trần Anh	Tuấn	18/06/2010	Nam	0,50	6,4	7,3	5,7	19,90	
25	Bùi Bảo	Trang	13/10/2010	Nữ	0,25	6,5	7,0	6,1	19,85	
26	Phạm Thị Ngọc	Diễm	23/07/2009	Nữ	0,50	6,3	6,3	6,6	19,70	
27	Hoàng Thị	Diệp	04/02/2010	Nữ	0,25	7,7	5,6	6,1	19,65	
28	Trần Minh	Hiếu	08/09/2010	Nam	0,25	6,7	6,1	6,5	19,55	
29	Đặng Thị Ngọc	Mai	09/09/2010	Nữ	0,25	5,8	7,0	6,5	19,55	
30	Lâm Phúc	Kiên	11/01/2010	Nam	0,25	6,3	6,4	6,5	19,45	
31	Trần Hồng	Quang	09/02/2010	Nam	0,25	6,6	5,9	6,5	19,25	



STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ưu tiên	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm xét tuyển	Ghi chú
32	Phạm Huyền Trang	18/05/2010	Nữ	0,25	6,2	5,7	7,1	19,25	
33	Trần Thị Tuyết Mai	18/02/2010	Nữ	0,25	7,7	5,9	5,3	19,15	
34	Lê Thị Yến Nhi	22/07/2010	Nữ	0,25	7,1	6,0	5,8	19,15	
35	Phạm Thị Thu Hà	04/09/2010	Nữ	0,50	6,3	6,0	6,3	19,10	
36	Nguyễn Đăng Phát	25/08/2010	Nam	0,50	6,3	5,9	6,4	19,10	
37	Nguyễn Gia Phúc	24/11/2010	Nam	0,25	6,5	5,5	6,5	18,75	
38	Vũ Thị Ngọc Hà	28/04/2010	Nữ	0,25	7,2	5,0	6,2	18,65	
39	Phạm Quốc Triệu	04/07/2010	Nam	0,25	6,4	5,2	6,7	18,55	
40	Đinh Văn Hiếu	31/08/2010	Nam	0,25	5,4	6,2	6,6	18,45	
41	Trần Nguyễn Bình Minh	21/10/2010	Nam	0,25	6,0	6,1	6,1	18,45	
42	Phạm Duy Hưng	08/07/2010	Nam	0,25	5,6	5,7	6,8	18,35	
43	Tạ Thanh Chúc	18/04/2010	Nữ	0,25	7,2	5,2	5,6	18,25	
44	Vũ Khánh Huyền	19/12/2010	Nữ	0,25	5,8	5,5	6,3	17,85	
45	Nguyễn Anh Tuấn	02/02/2010	Nam	0,50	5,4	6,4	5,5	17,80	
46	Nguyễn Mai Linh	24/11/2010	Nữ	0,50	6,0	5,2	6,1	17,80	
47	Vũ Đức Hiệp	17/09/2010	Nữ	0,25	5,4	5,7	6,3	17,65	
48	Trần Phạm Bảo Nam	30/03/2010	Nam	0,25	5,9	5,3	6,0	17,45	
49	Phạm Thái Sơn	25/11/2010	Nam	0,50	5,3	6,2	5,4	17,40	
50	Phạm Thế Anh	08/06/2010	Nam	0,25	5,7	5,6	5,8	17,35	

Danh sách này có 50 thí sinh./



K. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Hữu Tâm

Thái Bình, ngày 26 tháng 6 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
HỆ CHÍNH QUY, TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2025 (ĐỢT 1)
NGÀNH: CÔNG TÁC XÃ HỘI

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ưu tiên	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm xét tuyển	Ghi chú
1	Phạm Vân Dịu	08/06/2010	Nữ	0,25	8,0	8,3	6,7	23,25	
2	Nguyễn Minh Khánh Vy	10/12/2010	Nữ	0,25	7,9	7,2	7,7	23,05	
3	Trần Thu Hiền	28/12/2010	Nữ	0,25	7,9	7,0	7,3	22,45	
4	Lê Quang Huy	08/03/2010	Nam	0,25	6,4	7,2	7,2	21,05	
5	Trần Nguyễn Gia Huy	26/05/2010	Nam	0,25	6,2	7,0	7,6	21,05	
6	Nguyễn Khánh Ly	30/01/2010	Nữ	0,50	7,6	6,5	5,9	20,50	
7	Trương Vũ Anh Bảo	21/04/2010	Nam	0,50	7,4	6,2	6,4	20,50	
8	Nguyễn Phương Vy	12/12/2010	Nữ	0,50	6,4	6,1	7,0	20,00	
9	Nguyễn Thị Minh Phương	17/05/2010	Nữ	0,50	6,1	7,4	5,8	19,80	
10	Tạ Minh Hải	13/07/2010	Nam	0,25	7,0	6,5	5,8	19,55	
11	Nguyễn Thị Vân Anh	03/06/2010	Nữ	0,25	7,2	6,1	5,9	19,45	
12	Nguyễn Ngọc Anh	18/08/2010	Nữ	0,25	7,2	5,4	6,6	19,45	
13	Phạm Minh Quân	17/08/2010	Nam	0,25	6,2	6,7	6,2	19,35	
14	Ngô Tiến Đạt	24/06/2010	Nam	0,25	7,3	6,2	5,4	19,15	
15	Ngô Thanh Hiền	28/02/2009	Nữ	0,25	6,3	5,0	7,5	19,05	
16	Nguyễn Trung Kiên	09/08/2010	Nam	0,25	6,5	5,7	6,6	19,05	
17	Quách Bảo Thi	13/08/2010	Nữ	0,25	7,3	6,3	5,0	18,85	
18	Mai Vũ Bình Minh	02/12/2010	Nữ	0,25	7,0	6,4	5,2	18,85	
19	Phạm Thị Khánh Linh	06/01/2010	Nữ	0,50	5,6	6,4	6,3	18,80	
20	Đoàn Mai Anh Thư	11/09/2010	Nữ	0,25	7,1	4,9	6,5	18,75	
21	Nguyễn Tiến Mạnh	20/09/2010	Nam	0,25	6,5	5,9	6,1	18,75	
22	Phạm Tiến Thành	04/10/2010	Nam	0,25	5,7	6,1	6,7	18,75	
23	Trần Tuấn Nghĩa	31/12/2010	Nam	0,50	7,0	5,3	5,8	18,60	
24	Nguyễn Khánh Linh	27/08/2010	Nữ	0,25	6,5	4,9	6,9	18,55	
25	Lê Mai Anh	11/11/2010	Nữ	0,25	7,7	5,5	5,1	18,55	
26	Trần Hương Trang	27/11/2010	Nữ	0,25	7,1	5,3	5,9	18,55	
27	Lê Phương Dung	26/10/2010	Nữ	0,50	6,5	5,3	6,2	18,50	
28	Nguyễn Ngọc Huyền	16/09/2010	Nữ	0,25	6,5	5,5	6,2	18,45	
29	Trần Văn Toàn	06/05/2010	Nam	0,25	6,3	6,4	5,5	18,45	
30	Phạm Thị Linh Chi	18/11/2010	Nữ	0,50	5,5	6,4	6,0	18,40	
31	Nguyễn Tiến Đạt	12/04/2010	Nam	0,25	6,5	5,3	6,2	18,25	



STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm ưu tiên	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm xét tuyển	Ghi chú
32	Phạm Ngọc	Bảo	20/08/2010	Nam	0,50	5,8	5,4	6,4	18,10	
33	Nguyễn Ngọc	Anh	11/09/2010	Nữ	0,25	6,5	6,0	5,3	18,05	
34	Vũ Hải	Tâm	19/06/2010	Nữ	0,25	7,0	5,2	5,6	18,05	
35	Phạm Thanh	Phong	25/08/2010	Nam	0,25	5,0	6,7	6,0	17,95	
36	Trần Ngọc	Duy	15/09/2010	Nam	0,25	5,5	6,1	6,0	17,85	
37	Trịnh Thanh	Chúc	16/11/2010	Nữ	0,50	5,6	5,8	5,9	17,80	
38	Lê Thị	Tâm	21/06/2010	Nữ	0,50	6,9	5,6	4,7	17,70	
39	Nguyễn Ngọc	Anh	16/01/2010	Nữ	0,25	6,7	4,8	5,9	17,65	
40	Nguyễn Thị Minh	Thư	12/09/2010	Nữ	0,25	6,2	6,0	5,1	17,55	
41	Bùi Thanh	Hằng	13/12/2010	Nữ	0,25	7,0	5,4	4,8	17,45	
42	Nguyễn Quỳnh	Anh	06/12/2010	Nữ	0,25	6,9	5,1	5,2	17,45	
43	Bùi Huy	Dũng	26/12/2010	Nam	0,25	6,0	5,7	5,5	17,45	
44	Phạm Duy	Khánh	18/11/2010	Nam	0,25	6,0	5,2	6,0	17,45	
45	Trần Như	Ý	01/12/2010	Nữ	0,25	5,8	5,4	6,0	17,45	
46	Vũ Thị Trà	My	21/04/2010	Nữ	0,50	6,2	4,7	6,0	17,40	
47	Bùi Văn	Thành	07/03/2010	Nam	0,25	5,7	5,4	6,0	17,35	
48	Hoàng Quỳnh	Anh	12/11/2010	Nữ	0,50	6,8	4,8	5,2	17,30	
49	Đỗ Thùy	Linh	26/06/2010	Nữ	0,25	5,2	5,4	6,4	17,25	

Danh sách này có 49 thí sinh. /



KI CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Hữu Tâm



Thái Bình, ngày 26 tháng 6 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
HỆ CHÍNH QUY, TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2025 (ĐỢT 1)
NGÀNH: THIẾT KẾ VÀ QUẢN LÝ WEBSITE

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm ưu tiên	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm xét tuyển	Ghi chú
1	Lưu Văn	Trường	27/03/2010	Nam	0,25	7,3	7,4	8,2	23,15	
2	Hoàng Tùng	Lâm	12/05/2010	Nam	0,25	7,3	6,1	8,1	21,75	
3	Tạ Nguyễn Bằng	Nhi	16/05/2010	Nữ	0,25	7,6	6,6	6,6	21,05	
4	Đào Anh	Tiến	21/12/2010	Nam	0,25	6,5	6,8	7,4	20,95	
5	Nguyễn Anh	Thư	21/07/2010	Nữ	0,25	6,8	6,2	7,7	20,95	
6	Phạm Quang	Bách	25/07/2010	Nữ	0,25	7,7	6,8	6,0	20,75	
7	Nguyễn Minh	Thành	07/04/2010	Nam	0,25	7,7	7,0	5,5	20,45	
8	Vũ Thị Bảo	Ngọc	18/05/2010	Nữ	0,25	7,4	7,4	5,3	20,35	
9	Cao Đại	Khang	12/03/2010	Nam	0,25	7,4	6,5	6,2	20,35	
10	Trần Thắng	Hùng	01/11/2010	Nam	0,25	7,8	5,2	6,9	20,15	
11	Phạm Xuân	Hiếu	04/02/2010	Nam	0,25	6,7	7,2	5,9	20,05	
12	Bùi Hà Hải	Nam	08/07/2010	Nam	0,25	6,0	7,5	6,2	19,95	
13	Nguyễn Thái	Hòa	15/05/2010	Nam	0,25	7,2	7,2	5,1	19,75	
14	Lê Đặng	Hiếu	22/07/2010	Nam	0,50	7,4	5,8	6,0	19,70	
15	Đào Thị Như	Yến	15/04/2010	Nữ	0,25	6,6	6,3	6,4	19,55	
16	Nguyễn Ngọc	Khánh	01/01/2010	Nam	0,25	7,2	6,7	5,3	19,45	
17	Phan Thị Hà	Phuong	21/11/2010	Nữ	0,25	5,7	6,5	7,0	19,45	
18	Nguyễn Đức	Việt	29/07/2010	Nam	0,50	6,2	6,9	5,8	19,40	
19	Mai Hồng	Ngát	05/04/2010	Nữ	0,50	7,1	6,4	5,4	19,40	
20	Vũ Thế Hoàng	Hà	24/02/2010	Nam	0,25	6,3	6,2	6,6	19,35	
21	Bùi Thùy	Trang	03/09/2010	Nữ	0,25	7,2	6,0	5,8	19,25	
22	Nguyễn Hải	Đặng	10/11/2010	Nam	0,50	6,4	6,2	6,1	19,20	
23	Nguyễn Huy	Hoàng	21/04/2010	Nữ	0,50	6,1	7,1	5,5	19,20	
24	Trương Thanh	Thảo	14/01/2009	Nữ	0,25	6,1	5,7	7,1	19,15	
25	Lại Thu	Huê	22/11/2010	Nữ	0,50	7,2	6,3	5,1	19,10	
26	Nguyễn Tuấn	Anh	08/09/2010	Nam	0,50	6,2	6,7	5,7	19,10	
27	Phí Đức	Lâm	30/06/2010	Nam	0,25	6,7	5,4	6,7	19,05	
28	Trần Đức	An	09/01/2010	Nam	0,25	5,7	7,1	6,0	19,05	
29	Bùi Đức	Nam	25/07/2010	Nam	0,25	7,5	5,8	5,3	18,85	
30	Hoàng Gia	Bảo	27/08/2008	Nam	0,25	6,4	5,8	6,4	18,85	
31	Ngô Thị Thanh	Hòa	23/03/2010	Nữ	0,25	6,4	5,7	6,5	18,85	



STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ưu tiên	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm xét tuyển	Ghi chú
32	Nguyễn Thị Thùy Chi	21/10/2010	Nữ	0,25	5,9	6,7	6,0	18,85	
33	Tô Thị Huyền Trang	22/02/2010	Nữ	0,50	7,1	5,1	6,1	18,80	
34	Nguyễn Khánh Ly	13/09/2010	Nữ	0,25	6,7	5,0	6,8	18,75	
35	Hoàng Duy Hưng	22/11/2010	Nam	0,75	6,1	6,9	5,0	18,75	
36	Tổng Quang Huy	23/10/2010	Nam	0,50	6,8	5,9	5,4	18,60	
37	Lại Phương Thảo	08/04/2010	Nữ	0,50	7,0	5,4	5,6	18,50	
38	Nguyễn Tấn Dũng	25/07/2010	Nam	0,50	6,3	5,6	6,0	18,40	
39	Vũ Đức Minh Hoàng	08/11/2010	Nam	0,25	5,4	6,8	5,9	18,35	
40	Phạm Tiến Minh	10/01/2010	Nam	0,50	6,3	5,9	5,6	18,30	
41	Nguyễn Hoàng Nam	20/02/2010	Nam	0,25	6,4	6,3	5,3	18,25	
42	Nguyễn Cẩm Ly	21/02/2010	Nữ	0,50	7,2	6,4	4,1	18,20	
43	Nguyễn Thảo Minh	09/05/2010	Nữ	0,25	6,6	5,0	6,3	18,15	
44	Nguyễn Thu Phương	30/12/2009	Nữ	0,25	6,7	6,1	5,0	18,05	
45	Nguyễn Văn Hiện	15/02/2010	Nam	0,25	5,5	6,0	6,2	17,95	
46	Vũ Xuân Long	04/01/2010	Nam	0,25	6,4	5,6	5,5	17,75	
47	Bùi Thùy Linh	11/06/2010	Nữ	0,25	6,3	5,6	5,6	17,75	
48	Nguyễn Tiến Dũng	19/04/2010	Nam	0,25	6,7	5,2	5,5	17,65	
49	Bùi Quang Hưng	18/02/2010	Nam	0,25	6,3	5,7	5,4	17,65	
50	Vũ Đức Anh Quân	10/05/2010	Nam	0,25	6,3	5,0	6,1	17,65	

Danh sách này có 50 thí sinh./



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Hữu Tâm

Thái Bình, ngày 26 tháng 6 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
HỆ CHÍNH QUY, TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2025 (ĐỢT 1)
NGÀNH: TIN HỌC ỨNG DỤNG

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm ưu tiên	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm xét tuyển	Ghi chú
1	Đỗ Việt	Anh	06/06/2010	Nam	0,50	7,3	8,2	7,7	23,70	
2	Đào Mai	Chi	02/08/2010	Nữ	0,25	8,5	7,1	7,3	23,15	
3	Ngô Nam	Khánh	05/11/2010	Nam	0,25	7,8	7,5	7,4	22,95	
4	Phạm Duyên	Anh	22/05/2010	Nữ	0,50	7,7	7,3	7,4	22,90	
5	Ngô Thị	Mến	31/05/2010	Nữ	0,25	8,0	7,5	7,1	22,85	
6	Đặng Khánh	Linh	28/03/2010	Nữ	0,25	7,6	7,6	7,4	22,85	
7	Nguyễn Khánh	Huyền	10/03/2010	Nữ	0,25	7,0	7,7	7,8	22,75	
8	Đỗ Yên	Nhi	23/05/2010	Nữ	0,25	7,8	6,7	7,8	22,55	
9	Lê Minh	Cường	09/07/2010	Nam	0,25	7,6	7,6	7,0	22,45	
10	Đoàn Thế	Tâm	31/12/2010	Nam	0,25	8,1	7,5	6,5	22,35	
11	Nguyễn Thu	Hiền	05/12/2010	Nữ	0,25	7,8	7,2	7,1	22,35	
12	Nguyễn Bảo	Minh	02/09/2010	Nam	0,25	7,6	7,9	6,5	22,25	
13	Khiếu Bảo	Lâm	13/04/2010	Nam	0,25	7,9	7,0	6,9	22,05	
14	Nguyễn Hà	Trang	02/05/2010	Nữ	0,25	6,9	7,4	7,3	21,85	
15	Lê Trần Khánh	Huyền	02/07/2010	Nữ	0,25	7,6	6,8	7,2	21,85	
16	Trần Hoàng	Long	08/12/2010	Nam	0,25	7,3	7,6	6,7	21,85	
17	Quách Tuấn	Minh	28/06/2010	Nam	0,25	7,4	7,1	7,0	21,75	
18	Vũ Trí	Dũng	03/11/2010	Nam	0,50	7,8	7,4	5,9	21,60	
19	Nguyễn Trọng	Đức	13/02/2010	Nam	0,25	7,1	7,1	7,1	21,55	
20	Nguyễn Trọng Khán Toàn		17/12/2010	Nam	0,25	6,2	7,8	7,2	21,45	
21	Quách Hoàng	An	02/08/2010	Nam	0,25	7,4	7,2	6,5	21,35	
22	Phạm Quốc	Khánh	03/12/2010	Nam	0,25	7,2	7,2	6,7	21,35	
23	Vũ Trung	Hiếu	26/06/2010	Nam	0,25	7,4	6,0	7,6	21,25	
24	Nguyễn Minh	Quốc	06/06/2010	Nam	0,25	7,2	6,9	6,9	21,25	
25	Dư Quốc	Khánh	18/04/2010	Nam	0,25	7,3	7,4	6,2	21,15	
26	Hoàng Thị Quỳnh	Như	01/04/2010	Nữ	0,25	7,3	6,8	6,8	21,15	
27	Đào Diễm	My	26/03/2010	Nữ	0,25	7,1	6,5	7,3	21,15	
28	Lê Thị	Thanh	09/02/2010	Nữ	0,25	7,9	6,5	6,4	21,05	
29	Lê Hòa	Hiệp	14/09/2010	Nam	0,25	6,4	7,3	6,9	20,85	
30	Nguyễn Đặng Hươn	Giang	24/11/2010	Nữ	0,25	6,1	7,0	7,5	20,85	
31	Đỗ Quang	Huy	20/03/2010	Nam	0,25	8,0	6,1	6,4	20,75	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm ưu tiên	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm xét tuyển	Ghi chú
32	Bùi Gia	Hiệp	16/12/2010	Nam	0,25	7,0	7,6	5,9	20,75	
33	Vũ Đức	Huy	20/02/2010	Nam	0,25	7,0	6,9	6,6	20,75	
34	Lương Văn	Phúc	20/11/2010	Nam	0,25	7,6	6,5	6,3	20,65	
35	Nguyễn Tuấn	Trưởng	10/09/2010	Nam	0,25	6,5	6,6	7,3	20,65	
36	Phạm Thị Hà	Phương	14/06/2010	Nữ	0,25	7,3	6,1	6,9	20,55	
37	Nguyễn Thị Thảo	Vân	06/02/2010	Nữ	0,50	6,8	7,6	5,6	20,50	
38	Nguyễn Huy Gia	Bảo	20/05/2010	Nam	0,50	6,5	7,4	6,1	20,50	
39	Phạm Bùi Minh	Phương	12/11/2010	Nữ	0,25	7,5	7,1	5,6	20,45	
40	Nguyễn Thái	Bảo	12/03/2010	Nam	0,25	6,7	6,0	7,5	20,45	
41	Nguyễn Thị Anh	Thơ	02/10/2010	Nữ	0,50	7,6	6,1	6,2	20,40	
42	Hoàng Yên	Nhi	05/05/2010	Nữ	0,25	6,8	6,6	6,7	20,35	
43	Lê Bùi Ngọc	Huy	06/08/2010	Nam	0,50	6,8	6,7	6,2	20,20	
44	Vũ Lâm	Ngọc	15/11/2010	Nữ	0,25	7,5	6,5	5,9	20,15	
45	Đoàn Phương	Uyên	10/09/2010	Nữ	0,50	7,3	6,5	5,7	20,00	
46	Phạm Việt	Anh	03/12/2010	Nam	0,25	7,0	5,8	6,9	19,95	
47	Nguyễn Thị Khánh	Linh	27/12/2010	Nữ	0,25	6,9	6,5	6,3	19,95	
48	Phạm Huy	Khôi	23/08/2010	Nam	0,25	5,8	6,6	7,2	19,85	
49	Phạm Hoàng	Bách	26/07/2010	Nam	0,25	7,2	6,3	6,0	19,75	
50	Hoàng Anh	Tuấn	13/07/2010	Nam	0,25	6,8	6,7	6,0	19,75	

Danh sách này có 50 thí sinh. / *Ka*



KẾ CHỨC TỊCH HỘI ĐỒNG

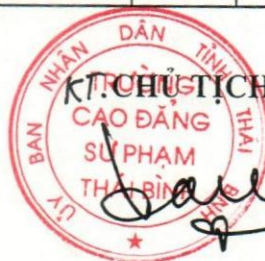
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Hữu Tâm

Thái Bình, ngày 26 tháng 6 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
HỆ CHÍNH QUY, TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2025 (ĐỢT 1)
NGÀNH: ORGAN

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm ưu tiên	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm xét tuyển	Ghi chú
1	Phạm Phương	Anh	13/11/2010	Nữ	0,25	7,3	6,2	5,8	19,55	
2	Trịnh Minh	Mẫn	15/06/2010	Nam	0,25	7,0	6,4	5,8	19,45	
3	Phạm Minh	Đức	24/11/2010	Nam	0,25	6,9	6,0	6,1	19,25	
4	Phạm Thị Ánh	Ngọc	15/05/2010	Nữ	0,25	6,8	6,3	5,7	19,05	
5	Nguyễn Việt	Anh	31/07/2010	Nam	0,25	6,0	6,3	6,4	18,95	
6	Vũ Sơn	Lâm	04/06/2010	Nam	0,50	6,5	6,3	5,6	18,90	
7	Ngô Đức	Anh	15/03/2010	Nam	0,50	5,5	6,5	6,4	18,90	
8	Nguyễn Thị Hồng	Bích	15/06/2010	Nữ	0,25	7,5	5,2	5,4	18,35	
9	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	22/11/2010	Nữ	0,25	6,5	6,3	5,0	18,05	
10	Nguyễn Việt	Anh	21/07/2010	Nam	0,25	6,5	5,6	5,6	17,95	
11	Mai Thị Khánh	Huyền	17/07/2010	Nữ	1,25	5,0	6,0	5,7	17,95	
12	Nguyễn Tâm	Đức	23/05/2010	Nam	0,25	5,7	5,6	6,2	17,75	
13	Vũ Nguyễn Tường	Vi	13/02/2010	Nữ	0,25	6,9	5,1	5,4	17,65	
14	Mai Quốc	Bảo	25/08/2010	Nam	0,25	5,8	5,8	5,8	17,65	
15	Lê Trung	Hiếu	10/07/2010	Nam	0,50	5,2	5,9	5,8	17,40	
16	Phạm Văn	Phong	22/10/2010	Nam	0,25	5,4	5,6	6,1	17,35	
17	Trần Thanh	Phong	25/09/2010	Nam	0,25	6,1	5,3	5,7	17,35	
18	Lại Thế	Thông	01/08/2010	Nam	0,50	6,1	5,7	5,0	17,30	
19	Lâm Nhật	Tân	18/01/2010	Nam	0,25	5,5	5,4	6,0	17,15	
20	Nguyễn Tuấn	Vũ	21/09/2010	Nam	0,25	6,0	5,2	5,6	17,05	
21	Ngô Xuân	Trường	02/01/2010	Nam	0,50	5,9	5,6	5,0	17,00	
22	Nguyễn Hải	Đăng	12/06/2010	Nam	0,50	5,6	5,5	5,4	17,00	
23	Nguyễn Mạnh	Tuấn	11/01/2010	Nam	0,25	5,8	5,1	5,8	16,95	
24	Vũ Công	Thành	18/11/2009	Nam	0,50	5,2	5,7	5,5	16,90	
25	Nguyễn Ngọc Khánh	Ngân	25/10/2010	Nữ	0,25	6,6	5,3	4,7	16,85	

Danh sách này có 25 thí sinh. 



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Hữu Tâm

Thái Bình, ngày 26 tháng 6 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
HỆ CHÍNH QUY, TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2025 (ĐỢT 1)
NGÀNH: THƯ VIỆN - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Điểm ưu tiên	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm xét tuyển	Ghi chú
1	Giang Phương	Anh	10/09/2010	Nữ	0,25	8,7	7,3	6,6	22,85	
2	Bùi Thị Kim	Dung	04/09/2010	Nữ	0,50	7,1	7,3	6,7	21,60	
3	Phạm Ngọc	Hân	24/05/2010	Nữ	0,50	7,8	7,3	5,2	20,80	
4	Vũ Thị	Huyền	29/10/2010	Nữ	0,25	7,1	6,7	6,4	20,45	
5	Đặng Thị Lan	Anh	09/03/2010	Nữ	0,25	7,0	6,6	6,5	20,35	
6	Hoàng Thị	Hoa	03/06/2010	Nữ	0,50	6,7	6,4	6,2	19,80	
7	Vũ Thị Khánh	Ly	05/08/2010	Nữ	0,25	7,0	6,7	5,7	19,65	
8	Phạm Trần Thu	Uyên	13/12/2010	Nữ	0,25	6,5	6,4	6,4	19,55	
9	Hoàng Thị Thảo	Nguyên	27/02/2010	Nữ	0,25	6,7	6,5	5,3	18,75	
10	Nguyễn Trà	My	02/02/2010	Nữ	0,25	6,1	5,3	6,8	18,45	
11	Hà Thanh	Phong	22/10/2010	Nam	0,25	6,6	5,3	6,2	18,35	
12	Đặng Thành	Danh	05/05/2010	Nam	0,25	5,7	6,0	6,1	18,05	
13	Lê Trung	Nguyên	17/03/2010	Nam	0,25	6,0	6,0	5,7	17,95	
14	Nguyễn Công	Định	03/05/2010	Nam	0,25	7,1	5,5	4,6	17,45	
15	Trần Nhật	Minh	02/04/2010	Nam	0,25	6,9	5,0	5,3	17,45	
16	Phạm Hương	Thảo	08/04/2010	Nữ	0,25	6,3	5,1	5,7	17,35	
17	Đặng Ngọc	Huyền	06/03/2010	Nữ	0,50	6,1	5,0	5,6	17,20	
18	Tô Minh	Quân	24/12/2010	Nam	0,25	6,9	5,0	5,0	17,15	
19	Lê Bùi Hưng	Thái	24/02/2010	Nam	0,25	5,7	5,1	6,1	17,15	
20	Lê Như	Uyển	25/06/2010	Nữ	0,50	5,5	5,5	5,6	17,10	
21	Lại Anh	Thư	24/09/2010	Nữ	0,50	5,0	6,1	5,5	17,10	
22	Bùi Bảo	Ngọc	26/12/2010	Nữ	0,25	6,8	5,0	5,0	17,05	
23	Nguyễn Hữu	Tài	25/06/2010	Nam	0,25	5,6	5,2	6,0	17,05	
24	Đỗ Hoàng	Quân	15/11/2010	Nam	0,50	6,4	5,3	4,8	17,00	
25	Nguyễn Đức	Anh	27/09/2010	Nam	0,25	6,6	5,5	4,5	16,85	

Danh sách này có 25 thí sinh. *Ng*



KI CHỨC TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Hữu Tâm